**BÀI 3: VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG**

*(Đọc và thực hành Tiếng Việt: 7 tiết;*

*Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 2 tiết, Ôn tập: 1 tiết; Ôn tập và kiểm tra giữa kì 3 tiết)*

**I. MỤC TIÊU** *Học sinh đạt được****:***

**1. Năng lực**

***a. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được đặc điểm thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.

- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do VB gợi ra.

- Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

- Bước đầu biết làm thơ lục bát; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát; trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.

***b. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học.

**2. Phẩm chất**

- Yêu vẻ đẹp quê hương.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**PHẦN TRI THỨC ĐỌC HIỂU**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu****:* Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

***b. Nội dung****:* GV cho HS xem Video đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | Quê hương có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người? | - chia sẻ của HS |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi  GV theo dõi, quan sát HS |
| Báo cáo/ Thảo luận | - Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân |
| Kết luận/ nhận định | - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu****:* Đặc điểm văn bản thơ lục bát

**b. Nội dung**: GV giao PHT hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm thể thơ lục bát.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | GV trình chiếu PHT số 1, tìm hiểu đặc điểm thể thơ lục bát  - Cách 1: Đặt câu hỏi hướng dẫn HS điền bảng.  - Cách 2: Giao PHT HS làm ở nhà lên lớp báo cáo. | **TRI THỨC ĐỌC HIỂU**  **1. Khái niệm**  - Lục bát là thể thơ có từ lâu đời của dân tộc Việt Nam. Một cặp câu lục bát gồm 1 dòng 6 tiếng (dòng lục) và 1 dòng 8 tiếng (dòng bát).  **2. Đặc điểm thể loại thơ lục bát**  - Cách gieo vần: Tiếng thứ 6 của dòng lục vần với tiếng thứ 6 của dòng bát kế nó, tiếng thứ 8 dòng bát vần với tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo.  - Ngắt nhịp: Thơ lục bát thường được ngắt nhịp chẵn, ví dụ như 2/2/2, 2/4/2, 4/4.  - Thanh điệu: Tiếng 1, 3, 5, 7 phối thanh tự do. Các tiếng 2, 4, 6, 8 phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định: tiếng thứ 2 là thanh bằng, tiếng thứ 4 là thanh trắc, riêng trong dòng bát nếu tiếng thứ 6 là thanh bằng (ngang) thì tiếng thứ 8 là thanh bằng (huyền) và ngược lại.  **\* Thơ lục bát biến thể:**  - Là thể thơ lục bát được biến đổi về số tiếng, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, cách phối hợp bằng trắc trong các dòng thơ.  **II. Hình ảnh, tính biểu cảm của văn bản văn học**  *- Hình ảnh* là một yếu tố quan trọng của thơ, giúp người đọc “nhìn” thấy, tưởng tượng cái mà nhà thơ miêu tả, cảm nhận qua các giác quan như: thính giác, khứu giác, vị giác, thị giác, xúc giác.  *- Tính biểu cảm của văn bản văn học* là khả năng văn bản gợi cho người đọc những cảm xúc vui, buồn, yêu, ghét. |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS hoạt động cá nhân |
| Báo cáo  Thảo luận | - HS được chỉ định trả lời. |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét câu trả lời và chốt kiến thức. |

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Văn bản 1:**

**NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG**

**I. Mục tiêu**

***1. Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.

- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do VB gợi ra.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

***2. Về phẩm chất:***

- Yêu nước: yêu vẻ đẹp quê hương.

*-* Chăm chỉ:chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Video, tu liệu liên quan đến nội dung bài học.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung**: Hướng dẫn HS chia sẻ ý tưởng, suy nghĩ của mình từ Video GV cung cấp.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | GV trình chiếu video bài hát: Việt Nam quê hương ta.  Cảm xúc của em khi xem video? | Chia sẻ của HS |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | - GV gọi 2-3 HS chia sẻ suy nghĩ |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chuyển dẫn vào bài |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Phần I. Chuẩn bị đọc**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kĩ năng hiểu biết của HS về nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - Cụm từ “vẻ đẹp quê hương” thường khiến em nghĩ đến điều gì? | **I. Chuẩn bị đọc**  Chia sẻ của HS. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS đọc và lắng nghe và vận dụng những hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | *- HS hoạt động cá nhân* |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV tổng hợp không vội kết luận đúng sai, chuyển nội dung |

**Phần II. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm:** Phần đọc và trả lời câu hỏi của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV hướng dẫn HS kĩ năng tưởng tượng.  - GV làm mẫu kĩ năng tưởng tượng: GV hỏi HS: cặp lục bát này giúp em hình dung gì về cái sắc quê hương? Còn cô, khi đọc cặp lục bát cô thấy có từ láy “mênh mông” gợi liên tưởng đến không gian rộng lớn, bao la vô tận, từ “biển lúa” gợi ra hình ảnh cánh đồng lúa bát ngát. Từ đó cô hình dung được phong cảnh những cánh đồng lúa quê hương trải dài đến vô tận mở ra đến vô cùng.  - GV hướng dẫn HS giải thích từ khó trước khi đọc văn bản.  - GV yêu cầu HS cùng đọc đồng thanh văn bản, trong khi đọc vận dụng kĩ năng dự đoán và suy luận đã học ở văn bản 1 để trả lời các câu hỏi trong box. | **II. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Kĩ năng tưởng tượng**  - Ngôn ngữ văn học đặc biệt là ngôn ngữ thơ rất giàu hình ảnh nên để hiểu văn bản người đọc thường phải hình dung, tưởng tượng.  - Để tưởng tượng cần:  + Căn cứ vào hình ảnh, ngôn từ;  + Hiểu biết, hình dung của bản thân về các hiện tượng được miêu tả.  => Hiểu, nhớ và cảm nhận rõ hơn về thế giới hình ảnh trong văn bản, giúp văn bản trở nên sống động, hấp dẫn và thú vị hơn.  **2. Đọc văn bản** |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS đọc và lắng nghe và làm theo hướng dẫn |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | - GV gọi 2 – 3 HS chia sẻ ý kiến. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét hoạt động đọc. |

**Phần III. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận biết được đặc điểm thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.

- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do VB gợi ra.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm

- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | | - GV giao PHT số 2 tìm hiểu đặc điểm thể thơ lục bát  - HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu (4p)  - Hết thời gian GV gọi nhóm ngẫu nhiên báo cáo sản phẩm  - Bài ca dao số 4 có sự biến đổi trong cách phối thanh ở tiếng thứ 2 trong câu 1. Vậy bài ca dao là lục bát hay lục bát biến thể. | | **III. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Đặc điểm thể thơ lục bát** |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | | - HS làm việc nhóm hoàn thành nhiệm vụ  - GV theo dõi, hướng dẫn | |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | | - Gv gọi nhóm bất kì trả lời, nhóm khác theo dõi, nhận xét và chỉnh sửa | |
| *Kết luận/ Nhận định* | | GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  GV yêu cầu HS về nhà dựa vào bài ca dao số 4, tìm hiểu đặc điểm thể thơ lục bát trong các bài ca dao còn lại. | |
| **Dự kiến sản phẩm PHT số 2**   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu tìm hiểu đặc điểm thể loại thơ lục bát**  **(Đọc bài ca dao số 3 hoàn thành phiếu)** | | | **Đặc điểm thể thơ lục bát** | **Thể hiện trong bài ca dao** | | **Số dòng thơ** | 4 dòng (2 dòng lục, 2 dòng bát) | | **Số tiếng trong từng dòng** | Mỗi dòng lục có sáu tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng) | | **Vần trong các dòng thơ** | *Phu-cù, xanh-anh-canh* | | **Nhịp của từng dòng thơ** | Dòng 1 nhịp 2/4, dòng 2 nhịp 4/4, dòng 3 nhịp 4/2, dòng 4 nhịp 4/4 | | **Thanh điệu** | Tiếng 1, 3, 5, 7 phối thanh tự do  Tiếng thứ 2 câu 1 không theo luật | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | Sản phẩm dự kiến | |
| Chuyển giao nhiệm vụ | 1. GV hướng dẫn HS phân tích bài ca dao số 1:  - Bài thơ đã nhắc đến những địa danh nào?  - Cách đặt tên các phố ở đây có gì đặc biệt?  - Tác giả đã sử sụng biện pháp nghệ thuật gì khi nhắc đến các địa danh đó?  - Qua đó, em có hình dung như thế nào về vẻ đẹp của đất Long Thành?  - Những từ ngữ “phồn hoa thứ nhất Long Thành”, “người về nhớ cảnh ngẩn ngơ” thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của tác giả về đất Long Thành?  2. Hoạt động nhóm:  - Nhóm 1, 2: Tìm hiểu bài ca dao số 2  - Nhóm 3, 4: Tìm hiểu bài ca dao số 3  - Nhóm 5, 6: Tìm hiểu bài ca dao số 4  Thời gian 7p  - Hết thời gian, GV gọi những nhóm có kết quả tốt nhất trình bày sản phẩm | | **2. Vẻ đẹp quê hương và tình cảm của người viết**  **Bài ca dao số 1**  - Biện pháp liệt kê: 36 phố phường liệt kê rõ ràng, rạch mạch, các tên phố được đặt tên theo đặc trưng nghề, so sánh sinh động.  **=>** Long Thành hiện ta là mảnh đát phồn hoa, đông vui náo nhiệt, phố phường dọc ngang sầm uất.  - Tình cảm, cảm xúc của người viết: tự hào, lưu luyến khi phải rời xa.  **Bài ca dao số 2**  - Hình thức thể hiện độc đáo: lời hỏi - đáp của chàng trai, cô gái.  => Giới thiệu những địa danh lịch sử, gắn với những chiến công oanh liệt của dân tộc (chiến công 3 lần phá tan quân xâm lược trên sông Bạch Đằng và Lê Lợi với khởi nghĩa Lam Sơn tiêu diệt quân Minh xâm lược.)  - Tình cảm, cảm xúc của người viết: niềm tự hào và tình yêu đối với quê hương, đất nước.  **Bài ca dao số 3**  - Hình thức: điệp từ “có”.  => Bình Định có cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, gắn với chiến công lừng lẫy của nghĩa quân Tây Sơn, vẻ đẹp của lòng chung thủy, son sắt của người phụ nữ, vẻ đẹp của món ăn dân dã, quen thuộc với vùng đất này.  - Tình cảm, cảm xúc của người viết: niềm tự hào, yêu mến mảnh đất quê hương.  **Bài ca dao số 4**  - Hình thức: điệp từ “sẵn”, hình ảnh đặc sắc “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn”.  => Nhấn mạnh sự trù phú của sản vật Tháp Mười.  - Tình cảm, cảm xúc của người viết: niềm tự hào về sự giàu có của sản vật mà thiên nhiên ưu đãi cho miệt Tháp Mười. | |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành phiếu  - GV theo dõi, gợi mở. | |
| Báo cáo thảo luận | - HS và đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác bổ sung hoàn thiện | |
| Kết luận nhận định | Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm | |

**Phần IV. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Khái quát lại được đặc trưng thể loại thể hiện trong văn bản đã học.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm đôi.

**c. Sản phẩm:**

- Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| Chuyển giao nhiệm vụ | Đặc điểm thể loại thơ lục bát được thể hiện thế nào trong văn bản? | **IV. Tổng kết**  - Thể thơ lục bát (Một cặp câu lục bát gồm 1 dòng 6 tiếng (dòng lục) và 1 dòng 8 tiếng (dòng bát).  - Gieo vần: tiếng thứ 6 của dòng lục vần với tiếng thứ 6 của dòng bát kế nó, tiếng thứ 8 dòng bát vần với tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo.  - Ngắt nhịp chẵn.  - Thanh điệu: tiếng 1, 3, 5, 7 phối thanh tự do. Các tiếng 2, 4, 6, 8 tuân thủ chặt chẽ theo quy định, tuy nhiên 1 số bài ca dao có sự biến đổi về cách phối thanh. |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS làm việc cá nhân hoặc nhóm đôi, quan sát lại nội dung bài học, vận dụng kĩ năng hệ thống kiến thức để trả lời câu hỏi |
| Báo cáo thảo luận | - GV gọi HS bất kì trả lời câu hỏi, HS khác bổ sung, hoàn thiện. |
| Kết luận nhận định | Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức, (phần hướng dẫn cách đọc văn bản thực hiện ở VB 2) |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Xác định được bài ca dao yêu thích và giải thích lí do.

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn nhận xét

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| Chuyển giao nhiệm vụ | Trong 4 bài ca dao trên, em thích nhất bài nào? Vì sao? | - Chia sẻ của HS |
| Thực hiện nhiệm vụ | HS suy nghĩ, trả lời cá nhân |
| Báo cáo thảo luận | GV mời một vài HS trình bày |
| Kết luận nhận định | GV liên hệ, nhận xét. |

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức đã học giải quyết tình huống đặt ra.

**b. Nội dung**:

- GV hướng dẫn nhận xét

**c. Sản phẩm:**

- Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| Chuyển giao nhiệm vụ | Điền vào bảng ít nhất một từ hoặc hình ảnh độc đáo của mỗi bài ca dao và giải thích lý do vì sao em lựa chọn từ ngữ, hình ảnh ấy? | - Chia sẻ của học sinh. |
| Thực hiện nhiệm vụ | HS suy nghĩ, trả lời cá nhân |
| Báo cáo thảo luận | GV mời một vài HS trình bày |
| Kết luận nhận định | GV liên hệ, nhận xét. |
| Dự kiến sản phẩm   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Giải thích** | | **1** | Phồn hoa thứ nhất Long Thành/ Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ | Câu thơ gợi lên hình ảnh kinh thành Thăng Long đông đúc, nhộn nhịp đường xá. | | **2** | Sâu nhất là song Bạch Đằng/ Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan | Thể hiện được vẻ đẹp và lòng tự hào về lịch sử quê hương | | **3** | Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh | Điệp từ “có” thê thiện lòng tự hào về những cảnh đệp quê hương gắn liền với lịch sử. | | **4** | Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn | Hình ảnh thể hiện sự trù phú, giàu có của thiên nhiên ban tặng người dân Tháp Mười. | | | |

**IV. Hồ sơ dạy học**

**PHT số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đọc kĩ phần tri thức đọc hiểu (SGK tr60) hoàn thành phiếu** | |
| **Khái niệm thơ lục bát:** | |
| **Đặc điểm thể loại thơ lục bát** | |
| **Cách gieo vần** |  |
| **Ngắt nhịp** |  |
| **Thanh điệu** |  |

**PHT số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu tìm hiểu đặc điểm thể loại thơ lục bát**  **(Đọc bài ca dao số 3 hoàn thành phiếu)** | |
| **Đặc điểm thể thơ lục bát** | **Thể hiện trong bài ca dao** |
| **Số dòng thơ** |  |
| **Số tiếng trong từng dòng** |  |
| **Vần trong các dòng thơ** |  |
| **Nhịp của từng dòng thơ** |  |
| **Thanh điệu** |  |

**PHT số 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đọc kĩ bài ca dao số 2 và hoàn thành phiếu** | |
| **Phương diện** | **Thể hiện trong bài ca dao** |
| **Hình thức thể hiện** | **- Lời đố của cô gái:** |
| **- Lời đáp của chàng trai** |
| **Vẻ đẹp quê hương** |  |
| **Tình cảm người viết** |  |

**PHT số 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đọc kĩ bài ca dao số 3 và hoàn thành phiếu** | |
| **Phương diện** | **Thể hiện trong bài ca dao** |
| **Biện pháp tu từ** |  |
| **Vẻ đẹp quê hương** |  |
| **Tình cảm người viết** |  |

**PHT số 5**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đọc kĩ bài ca dao số 4 và hoàn thành phiếu** | |
| **Phương diện** | **Thể hiện trong bài ca dao** |
| **Hình ảnh, biện pháp tu từ** |  |
| **Vẻ đẹp quê hương** |  |
| **Tình cảm người viết** |  |